| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGỌC LẶC**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Văn Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Diệu

Ông Phạm Đức Hoàn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị D; sinh năm: 1992; HKTT: Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn C; sinh năm: 1992; HKTT: Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị D, anh C. Chị D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 24/12/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2023 cho

đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/4/2013 và cháu Phạm Đức D2, sinh ngày 05/9/2015. Hiện các cháu đang ở với anh C. Nếu ly hôn, chị D giao cả hai cháu cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn C để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh C không có mặt nên không có lời khai của anh C và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh C không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Phạm Văn C. Giao cháu Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/4/2013 và cháu Phạm Đức D2, sinh ngày 05/9/2015 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 04/2024 cho đến khi các cháu thành niên. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn C, nơi cư trú tại Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh

C theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh C đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Bùi Thị D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn C lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị D, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía anh C, biết chị D làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh C lên làm việc để anh C được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh C đều không có mặt, thể hiện anh C không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị D, anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị D và anh C có 02 con chung. Xét thấy, hiện tại các cháu đang ở với anh C. Cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cả hai cháu cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy mức đề nghị cấp dưỡng của chị D là phù hợp. Buộc chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 04/2024 cho đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 29/4/2013 và cháu Phạm Đức D2, sinh ngày 05/9/2015 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 04/2024 cho đến khi các cháu thành niên.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004197 ngày 29/01/2024. Chị D còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị D, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Mỹ Tân;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thịnh**